TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2023/HSPT
Ngày: 17/5/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 363/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lâm Văn T; Giới tính: N; Sinh năm: 1990, nơi đăng ký thường trú : xóm S, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Lâm Thanh Đ; sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T1; sinh năm: 1968 (đã chết); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Trần Thị H; Sinh năm 1994; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 12/10/2021, bị công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/08/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. (Có mặt).

2. Họ và tên: Lâm Văn G; Giới tính: N; Sinh năm: 1994; Nơi đăng ký thường trú: xóm S, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Lâm Thanh Đ – Sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T1 - Sinh năm: 1968 (đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ,

con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/3/2007 bị UBND huyện T ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/8/2020, Tô Thanh T2 có vay của Lâm Văn T số tiền 365.000.000đ với lãi suất 1%/tháng và đã trả cho T được 05 tháng tiền lãi, mỗi tháng trả số tiền lãi là 3.650.000đ. Sau đó thì T không thấy T2 trả tiền nữa nên T nhiều lần tìm T2 đòi tiền nhưng không được, T nói việc này cho em trai là Lâm Văn G biết. Do T, G biết vợ chồng T2 và các con nhỏ đang ở cùng nhà với bố mẹ T2 là ông Tô Minh P và bà Lâm Thị N1, còn T2 thường xuyên phải đi làm xa trên tàu biển, ít khi T2 ở nhà nên từ tháng 10/2021, T, G nhiều lần đến nhà yêu cầu ông P, bà N1 phải trả nợ thay cho con trai trong lúc Tô Thanh T2 không có mặt tại gia đình. Tuy nhiên ông bà P, bà N1 không trả tiền cho T, G theo yêu cầu.

Đến khoảng 17h ngày 27/12/2021, T một mình đi đến gặp vợ chồng ông P, bà N1, ngồi tại phòng khách nói chuyện yêu cầu ông P, bà N1 phải trả tiền thay cho T2. T nói: *"có trả hay không cô nói cho cháu một câu*". Tuy nhiên ông P, bà N1 nói T2 đã trưởng thành, T2 vay tiền thì T2 trả, ông P, bà N1 không trả tiền cho T. T liền chửi bới, đe dọa: "*Nếu cô chú nói vậy, được rồi ô kê luôn từ mai không bước vào nhà nữa. Mọi hành vi tất cả các cái cô chú tự kiểm soát lấy, cháu nói thẳng luôn, đã không thích nữa thì thôi"*. Ông P nói: "*Mày còn thích đe cả chú mày"* thì T chỉ tay vào mặt ông P và nói: "*Cô chú mời cháu ra đường nhá, bằng nhau hết, đây ra đường đi*". Sau đó T đi ra ngoài đứng trước cửa nhà chửi*: "Chửi cái đầu buồi ấy, chúng mày không tôn trọng tao thì tao chẳng bao giờ tôn trọng chúng mày, địt mẹ đứa nào ăn quỵt*". Đồng thời T gọi điện thoại bảo G đến để cùng T ép buộc ông P, bà N1 phải trả nợ thay cho T2, G đồng ý rồi đi đến đứng trước nhà ông P, bà N1, trong lúc này T vẫn tiếp tục đứng ngoài đường chửi bới, đe dọa ông P, bà N1 để đòi tiền. Nhiều người dân xung quanh nghe thấy sự việc ồn ào nên đi ra xem. Mục đích T, G lợi dụng việc ông P đang làm trùm chánh giáo xứ T3, gây sức ép làm ảnh hưởng thanh danh của ông P trong giáo xứ để ép buộc vợ chồng ông P, bà N1 phải đưa tiền. Một lúc sau T, G đi về nhà.

Khoảng 15h30' ngày 28/12/2021, T gọi điện thoại bảo G đi đến nhà ông bà P để lấy tiền, G đồng ý. T đi xe máy đến nhà ông P, bà N1 trước, còn G do không có xe máy nên gọi điện bảo người quen là Phạm Văn H1 đi đến nhà G chơi. Sau đó G nhờ Hiện chở sang nhà T2 để G tìm T2 lấy tiền T2 nợ T và không nói cho H1 biết mục đích đến để lấy tiền từ ông P, bà N1. Đến nơi H1 đứng ngoài, G vào nhà ông P, bà N1 thấy T đang ngồi cùng ông P, bà N1 tại bộ B. Ông P, bà N1 lo sợ T, G sẽ làm việc xấu với các con cháu mình và làm ảnh hưởng tới thanh danh của ông P trong giáo xứ nên ông P, bà N1 đưa cho T số

tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). T nhận tiền và viết giấy biên nhận với nội dung: "T *đã nhận của ông* P *số tiền 50 triệu"* có chữ ký của T, G rồi đưa cho ông P. Sau đó, H1 đi vào trong nhà ngồi cùng T, G, bà N1 nhìn thấy H1 đi vào nên hỏi: *"Giờ cháu làm cái gì, lại đi đòi nợ thuê à*" thì H1 nói: "*Không cháu chỉ đi chơi vậy chứ có đòi nợ thuê gì đâu"*. Ngồi được vài phút thì T, G, H1 ra xe đi về.

Do T2 thường xuyên phải đi làm xa trên tàu biển nên ít khi T2 ở nhà. Đến gần tết âm lịch năm 2021 T2 mới về nhà. Tối ngày 29/01/2022, T gọi điện cho T2 đòi nợ và bảo ngày mai sẽ đến lấy tiền. T2 nói lại cho ông P, bà N1 biết. Do thời điểm này đã gần tết âm lịch, lo sợ các đối tượng sẽ gây khó dễ không ăn tết được yên ổn nên ông P, bà N1 bảo T2 nếu ngày mai bọn chúng đến sẽ đưa thêm 50 triệu. Đến khoảng 10h ngày 30/01/2022, ông P có việc không có mặt ở nhà, khi T và G đến gặp T2 và bà N1. Tại bộ bàn ghế ở phòng khách của gia đình, bà N1 lấy 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đưa cho T, T viết giấy xác nhận đã nhận của T2 50 triệu.

Qua tết âm lịch năm 2021, ông P, bà N1 quyết định phá dỡ căn nhà cũ để xây lại, chỉ để lại gian bếp để sinh hoạt trong thời gian xây nhà mới. Trong quá trình xây dựng, khoảng 23h ngày 02/6/2022, khi ông P, bà N1 đang ngủ ở trong gian bếp. T đi xe máy qua nhà ông P, bà N1 và gọi điện bảo G cùng đi đến nhà ông P, bà N1 tiếp tục đòi nợ. G điều khiển xe máy đến gặp T tại khu vực sân nhà ông P, bà N1. T và G đi đến đập cửa gọi ông P, bà N1 dậy, lúc này T2 không ở nhà. T và G đứng ngoài cửa liên tục chửi bới, đe dọa, bắt ép ông P, bà N1 trả tiền thay cho T2 nếu không trả sẽ đến quấy phá không cho thợ xây đến xây nhà, đe dọa nếu ông P, bà N1 ra ngoài sẽ đánh gây tổn hại sức khỏe. Trong đó G nói: "*Nhà đang làm cháu kéo anh xem xuống đây quấy rối ngay không làm được đâu*", "*Anh em ăn nhậu xong xuống đây ăn nằm luôn đấy, thợ thuyền địt làm được đâu"*, "*Ngày địt nào cho anh em năm trăm, một triệu ăn nhậu ở đây thợ thuyền không làm được đâu*". T nói: "*Chú không trả là không xong đâu*", "*Địt mẹ mày đừng lấy tiền của tao mà vớ vẩn, đù má ra đường chém luôn đấy*". Ông P, bà N1 sợ hãi đóng chặt cửa không dám ra ngoài, T và G đứng ngoài chửi vào khoảng 30 phút thì bọn chúng mới bỏ về nhà.

Ngày 15/6/2022, do T đang ở thành phố V, tỉnh Nghệ An không có mặt ở nhà nên T gọi điện thoại bảo G đến nhà ông bà P để đòi tiền. Đến khoảng 15h ngày 15/6/2022, trong lúc ông P, bà N1 đang ở nhà trông nom thợ xây nhà, ông P đang ở trên khu nhà đang xây dựng thì G đi xe máy đến gọi ông P xuống sân. G nói: "*Cháu đến để lấy tiền hộ anh cháu, chú có trả không"*, ông P bảo G vào gian bếp nói chuyện. Do lo sợ T, G đến quấy nhiễu, đe dọa làm ảnh hưởng đến việc xây nhà, nên ông P đưa thêm cho G số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ông P bảo G viết giấy đã nhận số tiền 50 triệu đồng của ông P, G gọi điện thoại báo cho T biết việc này thì T bảo G cứ viết giấy như lần trước. G viết giấy nhận tiền với nội dung G nhận tiền của T2 nên ông P yêu cầu G viết lại giấy với nội dung G nhận tiền của ông P. G viết giấy xong đưa cho ông P ký vào giấy thì G xé tờ giấy vừa viết xong cầm giấy đi về. Sau khi lấy được tiền của ông P, G cầm tiền để ở nhà, vài ngày sau T về thì G đưa lại tiền cho T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; các Điều 17, 58 của BLHS, xử phạt bị cáo Lâm Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2022; Xử phạt bị cáo Lâm Văn G 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2022 cùng về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ thi hành án, quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 03/3/2023 và ngày 07/3/2023, lần lượt các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G cùng có đơn kháng cáo đều với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 05/8/2020, anh Tô Thanh T2 vay của Lâm Văn T số tiền 365.000.000đ với lãi suất 1%/tháng, trong vòng 12 tháng nhưng mới trả cho T được 5 tháng tiền lãi. Quá thời hạn vay đã lâu nhưng anh T2 không trả gốc và lãi nên vào khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 15/6/2022, Lâm Văn T và Lâm Văn G đã nhiều lần đến nhà vợ chồng ông Tô Minh P và bà Lâm Thị N1 là bố mẹ đẻ của anh T2 để chửi bới, đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm yêu cầu ông P, bà N1 trả nợ thay cho T2. Vì lo sợ nên vào các ngày 28/12/2021, 15/6/2022, ông

P, bà N1 đã 02 lần đưa tiền cho T và G, mỗi lần 50.000.000 đồng và được T viết Giấy biên nhận tiền.

Đối với lần giao nhận số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/01/2022, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bản thân anh T2 đã nhờ mẹ đẻ là bà N1 ứng số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ cho T là dấu hiệu quan hệ dân sự nhưng vẫn xét xử các bị cáo với 03 lần cưỡng đoạt với số tiền 150.000.000 đồng là không chính xác. Tuy nhiên, với 02 lần phạm tội vào các ngày 28/12/2021 và 15/6/2022 thì hành vi của các bị cáo vẫn đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét tới tổng số tiền chiếm đoạt khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G, HĐXX thấy:

Mặc dù các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tuy nhiên các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất có thể nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lâm Văn T là người cho anh Tô Thanh T2 vay tiền, chủ động rủ và chỉ đạo G đến nhà ông P, bà N1 là bố mẹ đẻ anh T2 chửi bới, đe dọa, uy hiếp tinh thần để đòi nợ, lấy tiền và viết giấy biên nhận tiền nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Lâm Văn G là em ruột của bị cáo Lâm Văn T, là đồng phạm giúp sức, thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của T, bị cáo không được hưởng lợi. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, trên cơ sở phân hóa vai trò, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Lâm Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Lâm Văn G 02 (hai) năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội của hai bị cáo đều xuất phát từ việc anh Tô Thanh T2 là con ông P, bà N1 vay mượn tiền của bị cáo T, quá hạn đã lâu nhưng không trả; bị cáo T đòi nhiều lần nhưng anh T2 trốn tránh; trong 03 lần mà Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm truy tố, xét xử, có 01 lần anh T2 nhờ mẹ đẻ là bà N1 trả 50.000.000 đồng cho T và được T viết giấy biên nhận, đây là quan hệ dân sự nên xác định số tiền các bị cáo chiếm đoạt chỉ là 100.000.000 đồng. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông P, bà N1 số tiền 49.500.000 đồng, số tiền còn lại người bị hại đồng ý đối trừ vào số tiền mà T2 đã vay mượn của T và tiếp tục có đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo là hai anh em ruột trong một gia đình, đều là người lao động, chỉ vì đi đòi nợ cho bản thân mà nhất thời phạm tội; các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tác động nhờ gia đình bồi thường cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; mặt khác cũng cần xem xét một phần nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do lỗi của anh T2 vay tiền của bị cáo T, quá hạn đã lâu nhưng không trả nên Hội đồng xét xử tiếp tục áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và vận dụng chính

sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về hình phạt đối với các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; các Điều 17, 58 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 21 (hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2022 về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lâm Văn G 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2022 về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Các bị cáo Lâm Văn T, Lâm Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Vụ GĐKT I - TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Nam Định;*
- *VKSND tỉnh Nam Định;*
- *Cục THADS tỉnh Nam Định;*
- *Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Nam Định;*
- *Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;*
- *Các bị cáo (qua TTG);*
- *Lưu: Phòng HCTP, HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển